

Số: 86/NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng
của Trường Đại học Kinh tế-Tài chính TP. Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Trường Đại học Kinh tế-Tài chính TP. Hồ Chí Minh, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 19/3/2022 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Trường Đại học Kinh tế-Tài chính TP. Hồ Chí Minh của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức, đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 47 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 94%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

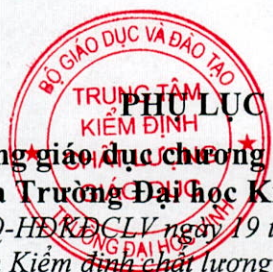
2. Kiến nghị Trường Đại học Kinh tế-Tài chính TP. Hồ Chí Minh thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Trường Đại học Kinh tế-Tài chính TP. Hồ Chí Minh theo quy định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD

CHỦ TỊCH



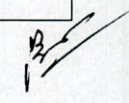


PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng của Trường Đại học Kinh tế-Tài chính TP. Hồ Chí Minh
 (Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐKĐCLV ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.1	4	4,20	5	100
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2					Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 7.5	5			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	5	4,40	5	100
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 4.1	4	4,00	3	100	Tiêu chí 9.1	4	4,20	5	100
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.3	5			
Tiêu chuẩn 5					Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4	3,80	4	80	Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	4,00	6	100
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4	3,86	6	85,71	Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	3				Tiêu chí 11.4	4			
		Tiêu chí 11.5	4						
Mức trung bình				Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)				
4,02				47	94				

DỤC VÀ
 :UNG
 IỂM E
 HẤT L
 GIÁO
 TÔNG Đ.


 i



PHỤ LỤC 2

**Các kiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục
đôi với Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng
của Trường Đại học Kinh tế-Tài chính TP. Hồ Chí Minh**

(Kèm theo Nghị quyết số 86/NQ-HĐKĐCLV ngày 19 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quan hệ công chúng (sau đây gọi tắt là CTĐT) của Trường Đại học Kinh tế-Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh, giai đoạn 2016-2021, đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy, CTĐT có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng, Tầm nhìn của Học viện và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học; đề cương các học phần thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định, cơ bản thể hiện rõ các mức độ giảng dạy tương ứng với các trình độ năng lực mà người học cần đạt được; chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, thể hiện tính logic, tính tích hợp giữa các học phần; các hoạt động dạy và học, các hình thức kiểm tra đánh giá đa dạng, hướng đến việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu/kỹ năng mềm cũng như nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học; công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, sử dụng và đánh giá năng lực và kết quả thực thi nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên và nhân viên được quản lý, thực hiện đúng quy định; chính sách và tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được công bố công khai; sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện được giám sát chặt chẽ; người học được tư vấn, hỗ trợ, được đảm bảo các điều kiện cơ bản trong quá trình học tập; hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp, hỗ trợ tốt cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp của CTĐT có việc làm khá cao; hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để cải tiến chất lượng CTĐT được xây dựng và triển khai thực hiện.

Tuy nhiên, CTĐT vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

(i) Cần rà soát Mục tiêu giáo dục bảo đảm phù hợp với Luật số 34/2018/QH14 sửa đổi bổ sung một số điều Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018, chú ý bổ sung năng lực tự học và tự nghiên cứu, năng lực phổ biến kiến thức của người học; cần rà soát chuẩn đầu ra của CTĐT bám sát theo yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, chú ý tiếp cận theo hướng đánh giá năng lực; cần tăng cường sự tham gia của các bên liên quan trong quá trình rà soát, điều chỉnh mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra của CTĐT;

(ii) Cần hoàn thiện hệ thống đề cương chi tiết các học phần, bảo đảm đầy đủ thông tin và thể hiện rõ sự liên kết của các học phần trong thực hiện chuẩn đầu ra của CTĐT;



cần lưu ý cập nhật tài liệu học tập của các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành và chú trọng đối sánh khi rà soát, điều chỉnh CTĐT; cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và hệ thống đề cương chi tiết của các học phần tới các bên liên quan để dễ dàng nắm bắt, sử dụng;

(iii) Cần rà soát, điều chỉnh ma trận chuẩn đầu ra, thể hiện rõ được sự phù hợp giữa cấu trúc và nội dung các học phần, làm rõ tính liên kết giữa các học phần bảo đảm đạt được các chuẩn đầu ra, đặc biệt là các chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm của người học; cần đảm bảo sự phù hợp của các phương pháp kiểm tra đánh giá, phương pháp dạy và học tương thích việc đạt chuẩn đầu ra; cần tăng cường khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan để thu thập và sử dụng thông tin phản hồi hiệu quả hơn trong phát triển CTĐT;

(iv) Cần tăng cường chuyển tải Triết lý giáo dục của Nhà trường vào trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cần chú trọng việc dạy cách học, tư duy phản biện, năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo của người học, hướng tới phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời; cần quan tâm hơn nữa đến hoạt động đổi mới phương pháp dạy-học, đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy-học, phát triển hình thức học tập trải nghiệm, giải quyết vấn đề, chú ý tăng cường các hoạt động rèn nghề và kỹ năng mềm cho người học; cần nghiên cứu ứng dụng công nghệ hiện đại trong quản lý và thực hiện các hoạt động giảng dạy và học tập;

(v) Cần thực hiện đa dạng hình thức kiểm tra, đánh giá, chú ý các hình thức kiểm tra, đánh giá trực tuyến, với các tiêu chí, thang đo phù hợp, chú trọng phân tích kết quả thi để đánh giá độ tin cậy và tính giá trị làm cơ sở cải tiến nâng cao chất lượng đề thi; cần định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để làm căn cứ cải tiến nâng cao chất lượng công tác thi, kiểm tra, đánh giá, bảo đảm sự công bằng trong hoạt động đánh giá người học; cần tăng cường hơn nữa ứng dụng công nghệ trong quản lý, tổ chức, giám sát hoạt động kiểm tra, đánh giá;

(vi) Cần rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý về công tác tổ chức và cán bộ; cần tăng cường chính sách thu hút các giảng viên có trình độ cao, đúng ngành Quan hệ công chúng về công tác lâu dài tại Khoa; cần định kỳ phân tích, đánh giá đối sánh các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng để liên tục nâng cao năng lực và hiệu quả công tác của đội ngũ giảng viên; cần tăng cường các chính sách khuyến khích cho giảng viên gia tăng loại hình, số lượng và chất lượng nghiên cứu; cần xây dựng các nhóm nghiên cứu của Khoa và sớm đi vào hoạt động để đẩy mạnh hợp tác khoa học với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước;

(vii) Cần rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định về việc theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc, có tính đến sự hài lòng của các bên liên quan; cần có quy

hoạch tổng thể dự báo về số lượng, trình độ chuyên môn, năng lực tin học, ngoại ngữ, các kiến thức thức, kỹ năng bổ trợ khác cho việc xây dựng, phát triển đội ngũ nhân viên hỗ trợ thực hiện CTĐT; cần lượng hóa hiệu quả công việc, đảm bảo phân công khối lượng công việc phù hợp cho từng nhân viên hỗ trợ; cần phân tích, đánh giá hiệu quả của công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng chiến lược, chính sách phát triển bền vững đội ngũ nhân viên;

(viii) Cần tăng cường khảo sát nhu cầu của xã hội, chú trọng phân tích, đánh giá xu hướng chất lượng tuyển sinh hằng năm nhằm đánh giá hiệu quả về từng phương thức tuyển sinh để điều chỉnh phù hợp; cần phân tích, đánh giá hiệu quả của công tác giám sát và hỗ trợ để kịp thời điều chỉnh, nâng cao công tác hỗ trợ người học; cần tổ chức thường xuyên các hoạt động ngoại khóa, tư vấn hỗ trợ việc làm,... để giúp người học nắm bắt được yêu cầu thực tiễn, sớm định hướng và tiếp cận với nghề nghiệp tương lai; cần gia tăng hơn nữa các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, sinh viên nghiên cứu khoa học;

(ix) Cần có kế hoạch cải tiến hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; cần chú trọng bổ sung, cập nhật những tài liệu học tập mới cho các học phần trong CTĐT, chú ý những tài liệu mang tính định hướng nghiên cứu của ngành Quan hệ công chúng trong cách mạng công nghiệp 4.0; cần tăng cường số hóa nguồn học liệu, nghiên cứu phát triển phần mềm quản lý dạy và học trực tuyến, phòng sản xuất học liệu phục vụ E-learning, đáp ứng yêu cầu giảng dạy trực tuyến; cần xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư, cải tiến chất lượng môi trường cảnh quan, môi trường tâm lý xã hội;

(x) Cần chú trọng việc khảo sát ý kiến đầy đủ các bên liên quan và sử dụng hiệu quả các phản hồi tích cực để cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động; cần tăng cường công tác đối sánh trong phát triển CTĐT; cần tăng cường hợp tác khoa học với trường đại học trong và ngoài nước, tạo điều kiện gia tăng loại hình, số lượng và chất lượng nghiên cứu trong cán bộ giảng viên của Khoa/ngành; cần tăng cường sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học để chuyển tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học;

(xi) Cần định kỳ phân tích nguyên nhân sinh viên thôi học, bỏ học, tốt nghiệp không đúng hạn của CTĐT; cần xác lập, phân tích đầy đủ và đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước về tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của sinh viên và mức độ hài lòng của các liên quan; cần tăng cường đầu tư cho sinh viên nghiên cứu khoa học đúng quy định tại Nghị định 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ; cần tăng cường kết nối với doanh nghiệp, tổ chức các hoạt động giao lưu, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.



Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 09/2024), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.
